

## Hoàn cảnh lịch sử và tính cách người nông dân Nam Bộ

PHẠM BÍCH HỢP

### 1. Cá tính Nam Bộ

Các chương trình khuyến nông và phát triển nông thôn của chúng ta ngày nay đều có những mục tiêu khác lạ đến thế nào của một kỷ nguyên "hiện đại hóa" thì cũng không vì thế mà không phải là sự tiếp tục công việc của người nông dân đã mở mang vùng đất này từ mấy trăm năm trước kia.

Vật đổi, sao dời nhưng sau hết mọi sự đổi thay, con người vẫn tiếp nối chẳng những về dòng giống mà cả những đặc tính tinh thần của một lịch sử đầy biến thiên những vẫn là một dòng liên tục.

Đó là dòng liên tục của người Việt từ phương Bắc, phần lớn là nông dân đi khai phá các vùng đất mới ở phía nam. Nơi họ gặp gỡ người Chăm, người Miên và gần như cùng một lúc cả người Hoa là những nhóm người đã có vai trò ít nhiều khác nhau trong cuộc mở mang vùng đất mới. Người Việt trở thành tộc người đóng vai trò chủ thể của vùng đất Nam Bộ, nối liền non sông Việt Nam thành một dải liên tục từ Đồng Đăng đến Mũi Cà Mau.

Nhà văn Sơn Nam, trong cuốn "Văn Minh Miệt Vườn" có nói đến mấy từ "Cá tính của Nam Phần" có lúc ông còn gọi là "Cá tính của miền Nam" với những nhận xét có lý

Ông nói "Muốn hiểu cá tính của Nam Phần, tốt hơn hết là nên sưu tầm và nghiên cứu theo nhãn quan của nhà xã hội học. Xem Nam Phần là nơi dân Việt tiếp thu nhưng phản ứng khi gặp văn hóa Tàu, Miên, Chăm, Pháp, Mỹ".

Cái có lý là ở chỗ một phương hướng tìm kiếm cái cá tính Nam Bộ trong sự giao lưu văn hóa Việt từ gốc gác của văn minh Sông Hồng với các nền văn hóa khác ở phía Nam.

Sự giao lưu ấy lại diễn ra trong cái bối cảnh lịch sử đặc biệt của công cuộc khai phá với lớp di cư người Việt phần lớn là dân nghèo, lưu tán từ miền trung, những nông dân tự mở đường cho mình và cho đồng bào mình tiến vào một vùng đất phần lớn còn hoang dã.

Những lớp di dân người Việt đầu tiên vào đất Đồng Nai - Gia Định chắc hẳn chứng kiến cảnh tượng được mô tả trong cuốn sách "Phủ biên tạp lục" (1776) của Lê Quý Đôn, một học giả đầu tiên của Việt Nam viết về vùng đất Nam Phần: "Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giuộc, Lôi Lạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm".

Sáng tác dân gian buổi ban đầu ở Nam Bộ cũng ghi lại cái cảm giác ngỡ ngàng của người đi mở đất :

*- Đồng Nai xứ sở lạ lùng*

*Dưới sông sáu lội, trên rừng cọt um*

- *Tôi đây xử sở lạ lòng*

*Chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh .*

Cá tính mạnh mẽ của Nam bộ ắt hẳn bắt nguồn từ một hoàn cảnh đòi hỏi con người phải có cái chí phiêu lưu nhất định.

- *Người đi dao rựa đất lung*

*Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng cao.*

Thiên nhiên hoang dã và có phần nguy hiểm này đòi hỏi một chí mạo hiểm nhưng cũng hứa hẹn một nền nông nghiệp trù phú cho mai sau.

Và còn hứa hẹn điều quan trọng nhất cho những lưu dân vốn nghèo khổ, thiếu đất, bị bóc lột nặng nề, bị tù tội lưu đày, bị xua đuổi do những thể chế phong kiến đã khá nghiệt ngã ở miền Ngũ Quảng. Đó là sự hứa hẹn "giải phóng" hoặc nói đúng hơn,, cho phép những điều kiện của việc "tự giải phóng". Ta còn lại sau này danh từ diễn đạt cách thức nông dân mở đất lúc ban đầu, đó là từ "móc lỗm", mỗi lỗm là một "giang sơn" dù cực khổ thế nào cũng cho người ta cái chủ quyền "rừng nào cọp đó". Đó có thể là hình ảnh đầu tiên về người nông dân "tự do" ở xứ ta, sau này dù họ có bị địa chủ, thực dân tước đoạt thì cũng vẫn còn giữ được chất tự do nó làm nền cho cái tinh thần yêu nước thương dân như cách mà Nguyễn Đình Chiểu đã mô tả ở nhân vật Lục Vân Tiên và Vương Tử Trực.

Trong một tiểu thuyết lịch sử của Hồ Biểu Chánh, ông đã mô tả cái cốt cách của người Nam bộ xa triều đình, xa vua chúa, tự hun đúc chí khí của mình trong cái khung cảnh phiêu lưu của cuộc khai phá.

Ta có thể đọc lại một đoạn đối đáp sau đây của các nhân vật:

"Mấy ông nhờ cái gì mà hun đúc được tinh thần quốc gia, biết thương nước thương dân? Không phải nhờ vua chúa hay sao?"

"Không, không phải vậy ...Chúng tôi sanh trưởng trong đất Gia Định là vùng của ông cha chúng tôi liều xương máu mà chiếm cứ, rồi rưới mồ hôi và nước mắt mà khai thác: Chúng tôi nhờ hy sinh, với công lao của tổ tiên mà nung đúc tinh thần quốc gia, thương đất nước, thương giống nòi, chớ có nhờ cái gì khác đâu ..."

"- Bây giờ ông hiểu tâm hồn người Gia Định hay chưa ?"

"- Hiểu rồi"

"Ừ , ở đây mọi người đều như vậy hết thầy. Có cái gì trong bụng thì trút ra hết, không thêm giấu giếm vì ghét cái thói phách lối, láo xược, giả dối, bợ đỡ ".

Nói cho cùng thì ở đâu tâm lý nông dân cũng ghét cái thói phách lối, láo xược, giả dối, bợ đỡ nhưng không phải ở đâu cũng dễ dàng được thể hiện thẳng thừng cái yêu cái ghét như ở Nam bộ. Người nông dân tự do ở Nam bộ vốn làm chủ được vùng đất mà họ khai phá, cũng họp nhau lại mà tạo thành cái cốt cách tinh thần riêng cho họ đã dành mà còn đầy lòng tự tin hiến nó thành cái cốt cách tinh thần của cả một xã hội. Họ không có cái mặc cảm quê mùa, cục mịch như người nông dân ở Trung và Bắc bộ và một khi khá giả cũng không thích cái gì cái thói "Trường giả học làm sang". Trí thức, nhà báo, nhà văn, cả những người sành sỏi Tây học vẫn cứ muốn giữ cái cốt cách nông dân trong sự ăn nói, viết lách, giao tiếp. Giữ không phải vì cố làm ra cái vẻ giản dị bình dân mà chính vì vẫn một lòng yêu thích cái tính cách tự do, sáng khoái. không câu nệ, không hình thức lễ nghi ràng buộc.

Cá tính mạnh mẽ của người nông dân tự do cũng có thể có những biểu hiện của một cái gì thiếu đi sự ức chế cần thiết. Cũng nhà văn Sơn Nam nói rằng:" Chúng ta không quên

ghi lại vài tật xấu mà qua những buổi gặp mặt, lúc trà dư tửu hậu, chính người Nam phần cũng xác nhận:

- Lừa rơm, nóng nảy từng chập, thiếu kiên nhẫn.
- Không óc tổ chức, thích những hành động cá nhân.
- Trục tính, không có thủ đoạn quanh co.

## 2. Văn hóa giao hòa, kinh tế rộng mở.

Ba trăm năm khai phá cũng là ba trăm năm vun đắp nền văn hóa với các sắc thái phù hợp với cuộc sống của vùng này.

Ở đây không có ý thức hệ độc tôn. Nho Giáo độc tôn ở phía Bắc qua nhiều triều đại nhưng ở phía Nam, trên đất Đồng Nai Gia Định nó cũng chỉ còn được giữ lại ở một số khía cạnh về đạo đức, còn cái cốt lõi về chính trị thì hầu như mờ mịt hẳn. Ngay về đạo đức cũng không còn sự câu nệ "tam cương ngũ thường". Ở Nam bộ chữ "Đạo nghĩa" đã biến thành "Điều nghệ", điều nghệ trong cư xử, điều nghệ trong cái cốt cách phóng khoáng của lớp bình dân. Thành ra người quân tử không phải chỉ ở đám mũ cao áo dài, ai cũng có thể và cũng cần xử sự một cách quân tử, cốt sao không theo cái thói tiểu nhân. Nho sĩ vào Nam tự họ cũng là người nghèo, đất này lại không có quý tộc, không có gốc gác ông Hoàng bà Chúa. Người nông dân nghèo, ít chữ, cũng cần học nhưng không vì thế mà tự ti vì ít học. Đầu óc thực tế được thi thố hơn là thi thố chữ nghĩa, thơ văn.

Tư tưởng không có cái gì thành quốc giáo. Triều Nguyễn đàn áp Thiên Chúa Giáo nhưng cũng không gây được sự kỳ thị trong giáo dân chúng để phân biệt cái gì là chính đạo, cái gì là tà đạo. Nhưng hầu như Phật giáo với quan niệm ăn hiền ở lành đã dễ thu hút giới nông dân. Hình như tầng lớp nông dân ít học vẫn muốn tìm một "Đức tin" nào đó cho mình, do đó mà có giáo phái này nọ. Lột bỏ cái tham vọng chính trị của một số người, ta sẽ thấy ở bề sâu của các giáo phái này một tâm lý của nông dân hoang mang về thời cuộc, đặc biệt là sự cảm nhận rằng họ đang mất dần cái tự do của người đi khai phá, cái phóng khoáng của lối sống "đầu trần chân đất", cái dễ thờ dễ sống của một khuôn khổ kinh tế tự buôn chải để lọt vào những vòng áp bức mới, những thế chế tù hãm mới. Khủng hoảng về tâm lý của nông dân Nam bộ dần dần mất tự do là một khủng hoảng thực sự sâu sắc, một vết thương nay chưa hẳn đã lành.

Tư tưởng không có chính thống. Tôn giáo không câu nệ ở giáo lý kinh bản. Đây cũng là cái khiến cho văn hóa giao hòa. Từ cách thức ăn ở, vui chơi, đàn hát, cái gì hay thì dù của người Miền, người Tàu, người Pháp cũng chấp nhận. Nhưng một thái độ dễ dãi trong việc đón nhận và tìm kiếm sự hòa hợp không phải không đi kèm với những giá trị vững chắc mà người nông dân thấy là thiết thân với cuộc sống của họ. Giá trị đó không ở huyết thống, không ở tiền bạc, "Cánh cửa của đạo nghĩa luôn luôn mở rộng để đón tất cả mọi người không phân biệt giàu nghèo, dĩ vãng tốt hay xấu. Nếu biết điều nghệ thì mọi việc tranh chấp có thể giải quyết dễ dàng trong vòng anh em với nhau, không cần pháp luật hay nhà cầm quyền can thiệp vào vì bản chất của giới lưu dân là chống đối bọn quan lại phong kiến đã áp bức họ từ trước" (Sơn Nam). Nhưng thái độ dễ dãi ấy sẽ trở thành thái độ cứng rắn nếu thấy đã bị lợi dụng, kẻ nào bị mất tín nhiệm thì khó mà chuộc lại sự tín nhiệm lúc ban đầu.

Tính cách dễ dãi được coi là một đặc tính của nông dân Nam bộ còn do nền kinh tế nông nghiệp ở đây có được những điều kiện tương đối dễ dàng hơn. Tuy nói "làm chơi ăn thiệt" không hẳn đúng nhưng người nông dân Nam bộ không phải lo lắng "tích cốc phòng

ơ, tích y phòng hàn". Nhưng vùng đất phù sa màu mỡ, nước ngọt quanh năm là những nơi người Việt đến canh tác dần đã trở nên trù phú. Đặc biệt là sự lưu thông đường thủy để vận chuyển nên sự giao lưu kinh tế cũng làm cho dễ tìm nguồn sinh sống. Có lúa, có vườn, có tôm cá, có chợ, huê lợi có thể thu được quanh năm.

Sự tiếp xúc của nông dân với sản xuất hàng hóa, với kinh tế thị trường đã có từ rất sớm, từ thế kỷ XVII-XVIII lúa gạo và các sản vật khác nhờ đường biển đã chuyên chở ra Bắc, đi các nước khác trong vùng biển Đông. Nếp sống tự cấp tự túc là không cần thiết và nông dân Nam bộ đã quen với việc làm ra để bán, làm theo nhu cầu của thương trường. Ngày nay, ta cũng không gặp khó khăn gì nhiều để khuyến khích nông dân phá vườn tạp, chuyên canh và thay đổi cơ cấu cây trồng. Và cũng chỉ có ở Nam bộ mới có những nông dân dám chặt cả mẫu mía sắp thu hoạch nhưng mất giá để trồng cây khác. Tuy cũng xuất phát từ văn minh lúa nước nhưng nhiều vùng đã nảy nở nền văn hóa nông nghiệp đa dạng và chuyên môn hóa cao. Độc canh cây lúa không phải là một định mệnh ở Nam bộ.

Nhưng trên thương trường nông dân là yếu thế. Trước đây, ta thấy thế mạnh thương trường là ở thương nhân người Hoa, Rất nhiều chợ nông thôn là do người Hoa tạo lập với nhà lồng ở giữa, hai bên hai dãy phố người Hoa cư trú và buôn bán. Điền chủ, ngay cả những tay giàu có cũng mang nặng cái thú điền viên, rất ít người từ nông thôn phát đạt lên rồi trở thành doanh nhân trong công nghệ và thương mại. Còn đa số nông dân trung lưu thì thụ động vào thương lái, ít ai nghĩ đến sự hợp sức mở mang việc kinh doanh vượt ra khỏi ranh giới làng xã của mình. Người Hoa làm chủ hội, người Hoa cho vay nợ lãi. Ở thành thị thì người Hoa mở Ngân hàng, mở xí nghiệp, mở thương điếm. Ở đây có sự câu kết giữa tư bản Pháp và mại bản Hoa kiều. Nhưng cũng phải nói cái tâm lý trọng nông, nhẹ thương của nông dân ta mà chương trình phát triển nông thôn ngày nay phải giúp thay đổi. Trong chương trình đó ta nói đến Cái Chợ như một trọng điểm để bước đầu gây mầm cho phát triển công nghiệp làng xã, tạo bước đi từ thị tứ hóa đến độ thị hóa. Các khía cạnh xã hội của vấn đề này rất đáng lưu ý để tìm tòi cách thức làm cho nông dân có thể tham gia vào việc lập Công ty, xí nghiệp, đóng góp cổ phần, mở mang tín dụng thay vì chỉ trông vào cơ may bán đất làm giàu như ở một số nơi hiện nay.

Sau hết, ta hiểu rằng, người nông dân Nam bộ có đầy đủ những đặc điểm, tâm lý của người nông dân Việt Nam nói chung, theo một hệ thống nông nghiệp kỹ thuật cũ, đa canh, trồng lúa nước. Nhưng do hoàn cảnh lịch sử hình thành cũng như địa lý nhân văn nơi cư trú có những nét khác biệt với nông dân Bắc bộ và Trung bộ. Bởi vậy trong tâm lý của họ cũng có những nét đặc thù như chúng tôi đã nói ở trên.

Thừa nhận sự đa dạng trong một thể thống nhất, hẳn cũng là một quan niệm khoa học cần phải có những người nghiên cứu xã hội học và tâm lý học.